

BÁO CÁO
Công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và
tình hình hoạt động khoáng sản năm 2017

Thực hiện Công văn số 108/ĐCKS-KSMB ngày 17/01/2018 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam về việc báo cáo công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và hoạt động khoáng sản năm 2017; UBND tỉnh Đắk Lắk báo cáo công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và tình hình hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh năm 2017 như sau:

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOÁNG SẢN

1. Công tác ban hành văn bản quản lý và tuyên truyền phổ biến pháp luật về khoáng sản.

1.1. Các văn bản quản lý đã ban hành:

- Quy chế số 11/QCPH-UBND ngày 17/3/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk và UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phối hợp công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản khu vực giáp ranh giữa hai tỉnh Đắk Lắk và Lâm Đồng.

- Thông báo số 148/TB-UBND ngày 27/7/2017 của UBND tỉnh, kết luận chỉ đạo các Sở, ngành, các địa phương, các tổ chức và cá nhân hoạt động khoáng sản tại Hội nghị đánh giá về công tác quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên cát trên địa bàn tỉnh.

- Kế hoạch số 9054/KH-UBND ngày 14/11/2017 về việc triển khai thực hiện Nghị Quyết số 29/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh về kết quả giám sát việc chấp hành pháp luật trong công tác quản lý, khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 14/11/2017 của UBND tỉnh về việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Công văn số 7098/UBND-NNMT ngày 08/9/2017 của UBND tỉnh, về việc bãi bỏ và chấm dứt chủ trương của UBND tỉnh cho phép cải tạo đồng ruộng và tạm dừng việc cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản mới đến hết năm 2017.

1.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản.

Trong năm vừa qua, UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND cấp huyện tổ chức tuyên truyền phổ biến pháp luật về khoáng sản thông qua các buổi tập huấn, hội nghị, cho công chức ngành tài nguyên và môi trường cấp huyện, công chức phụ trách lĩnh vực tài nguyên và môi trường cấp xã và các đơn vị hoạt động khoáng sản; tuyên truyền các văn bản mới về lĩnh vực khoáng sản trên các phương tiện thông tin, đại chúng.

2. Công tác lập, phê duyệt quy hoạch khoáng sản.

- Qua đánh giá Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản của tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 23/9/2014 có những điểm bất cập, chưa phù hợp với tình hình thực tế nên có những khó khăn trong công tác quản lý, cấp phép thăm dò, khai thác. Trước khó khăn trên, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 5011/UBND-NNMT ngày 29/6/2017, giao Sở Tài nguyên và Môi trường lập phương án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch khoáng sản của tỉnh. Hiện nay, đề cương dự toán điều chỉnh, bổ sung quy hoạch khoáng sản của tỉnh đã hoàn thành, đang được các sở, ngành của tỉnh tổ chức thẩm định để trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Dự án khoanh định khu vực cấm và tạm cấm hoạt động khoáng sản đã hoàn thiện, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 862/UBND-NNMT ngày 30/01/2018 lấy ý kiến của các Bộ có liên quan theo quy định tại Khoản 2, Điều 23, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ để có cơ sở trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định.

3. Công tác cấp phép hoạt động khoáng sản.

3.1. Công tác tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản:

Trong năm 2017, UBND tỉnh Đắk Lắk chưa tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản, UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tại Quyết định số 1059/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 với 11 khu vực thuộc kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2016. Tuy nhiên, do nhu cầu thị trường về khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh trong năm qua còn hạn chế nên chưa thực hiện được việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong năm 2017. Hiện nay, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 801/UBND-NNMT ngày 29/01/2018, giao Sở Tài nguyên và Môi trường, kiểm tra, rà soát, điều chỉnh Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 27/3/2015 của UBND tỉnh, về việc phê duyệt danh mục các khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, rà soát, điều chỉnh các khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản, trong quý I, năm 2018.

3.2. Công tác tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản:

Công tác tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản được thực hiện theo trình tự, thủ tục của Luật Khoáng sản năm 2010, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật khoáng sản. Trong năm 2017, UBND tỉnh đã cấp 02 giấy phép khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường; cho phép chuyển nhượng 02 giấy phép khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường, 01 giấy phép khai thác cát lòng sông.

3.3. Công tác thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Thực hiện Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính

phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản. UBND tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho 04 đơn vị khai thác khoáng sản, với tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được phê duyệt trong năm 2017 là 6.333.641.000 đồng. Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã thu trong năm 2017 là 18.660.366.639 đồng.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản.

- Công tác thanh tra, kiểm tra trong hoạt động khai thác khoáng sản đã được tăng cường. Trong năm 2017, UBND tỉnh đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra đối với 09 đơn vị hoạt động khai thác khoáng sản, trong đó có 08 đơn vị khai thác đá và 01 đơn vị khai thác sét. Trong năm 2017, đã tiến hành lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 8.000.000 triệu đồng. Ngoài ra, còn tiến hành nhiều đợt kiểm tra tình hình quản lý nhà nước về lĩnh vực khoáng sản trên địa bàn các huyện đặc biệt là về công tác quản lý khai thác cát lòng sông và sét sản xuất gạch.

- Cùng với kết quả thanh tra, kiểm tra của Sở Tài nguyên và Môi trường, phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường, Công an tỉnh đã phối hợp với công an các huyện đã kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên khoáng sản, trong năm 2017, phát hiện và xử lý vi phạm hành chính 84 vụ, với tổng số tiền phạt là 380.000.000 đồng.

- Bên cạnh việc thanh tra, kiểm tra của các sở, ngành, UBND cấp huyện cũng thường xuyên chỉ đạo các phòng chuyên môn, UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác kiểm tra trong hoạt động khai thác khoáng sản. Qua công tác thanh tra, kiểm tra đã giải tỏa các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép, xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm pháp luật.

Qua kết quả thanh tra của các sở, ngành, địa phương, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định thu hồi đối với 02 giấy phép khai thác cát lòng sông, 04 giấy phép khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường, 02 giấy phép khai thác sét để sản xuất gạch, 01 giấy phép khai thác tận thu đá xây dựng.

5. Công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác.

UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 14/11/2017, giao UBND cấp huyện đề xuất kế hoạch xây dựng phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, lập, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 17 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khoáng sản.

6. Đánh giá chung về thuận lợi, khó khăn và tồn tại.

6.1. Thuận lợi:

- Công tác quản lý nhà nước về khoáng sản thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả tích cực và có nhiều chuyển biến rõ rệt; UBND tỉnh đã kịp thời triển khai, cụ thể hóa các văn bản quy phạm pháp luật của cấp trên, ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành, giải quyết các tồn tại, vướng mắc trong hoạt

động khai thác khoáng sản, tăng cường trách nhiệm của các sở, ngành, các cấp chính quyền địa phương; đề ra các giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý khoáng sản ngày càng chặt chẽ, có hiệu quả, đã tạo ra hành lang pháp lý cho công tác quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh, góp phần ngăn chặn, xử lý hoạt động khai thác khoáng sản trái phép.

- Các mỏ khoáng sản đã và đang khai thác trên địa bàn tỉnh hiện tại chủ yếu là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường như đá xây dựng, cát lòng sông, sét sản xuất gạch và than bùn, khai thác bằng phương pháp lộ thiên, dễ khai thác, dễ sử dụng, xa khu vực dân cư nên ảnh hưởng đến môi trường không lớn. Sản phẩm sau khai thác được chế biến và sử dụng chủ yếu tại chỗ, chi phí đầu tư không lớn, công nghệ và trang thiết bị phục vụ khai thác đơn giản, dễ thực hiện.

6.2. Những khó khăn, tồn tại:

- Tình trạng khai thác cát, sét trái phép vẫn còn diễn ra ở một vài nơi. Việc chấp hành các quy định pháp luật của một số đơn vị hoạt động khoáng sản chưa thực sự nghiêm túc, vẫn còn xảy ra tình trạng vi phạm pháp luật.

- Có nhiều dự án khai thác khoáng sản được cấp phép với diện tích lớn, thời gian khai thác dài nhưng số tiền kỹ quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trước đây được phê duyệt còn thấp.

- Việc hiểu và nhận thức đúng về trách nhiệm bảo vệ tài nguyên khoáng sản tại một số địa phương chưa cao, còn đùn đẩy trách nhiệm.

- Lực lượng công chức của ngành tài nguyên và môi trường cấp tỉnh, cấp huyện còn thiếu về số lượng, nhất là công chức chuyên ngành về địa chất khoáng sản.

- Việc điều tra, khảo sát lập bản đồ địa chất khoáng sản trên địa bàn tỉnh ở tỷ lệ lớn chưa được đầu tư thực hiện trên diện rộng, nhiều loại khoáng sản trên địa bàn chưa đầu tư, đánh giá, thông tin về khoáng sản còn sơ lược, chủ yếu các Doanh nghiệp đầu tư thăm dò tại các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường để được cấp giấy phép khai thác ở quy mô vừa và nhỏ, do vậy, việc quản lý gặp không ít khó khăn, đây là hạn chế không nhỏ cho công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và đầu tư phát triển ngành công nghiệp khai khoáng trên địa bàn tỉnh.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

1. Công tác thăm dò khoáng sản.

Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh Đắk Lắk trong năm 2017 không cấp phép thăm dò khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Công tác khai thác khoáng sản.

Trong năm 2017, UBND tỉnh đã cấp 02 giấy phép khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường; cho phép chuyển nhượng 02 giấy phép khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường, 01 giấy phép khai thác cát lòng sông.

Tính đến ngày 31/12/2017, trên địa bàn tỉnh có 66 giấy phép khai thác khoáng sản do UBND tỉnh cấp còn hiệu lực, trong đó có 47 giấy phép khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường có sử dụng vật liệu nổ; 02 giấy phép khai thác sét sản xuất gạch; 17 giấy phép khai thác cát xây dựng lòng sông (theo bảng tổng hợp số liệu kèm theo). Các mỏ được cấp phép khai thác đều có quy mô nhỏ và vừa, loại khoáng sản chính là đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường, cát xây dựng, sét sản xuất gạch. Sản phẩm từ khai thác mỏ chủ yếu phục vụ cho nhu cầu xây dựng tại địa phương. Nhìn chung sản lượng khai thác cũng như doanh thu của các đơn vị hoạt động khai thác khoáng sản trong kỳ báo cáo chỉ đạt khoảng 60% đến 70% so với công suất được UBND tỉnh cấp phép.

3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính năm 2017 của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản.

Tổng số tiền đã thực hiện: 38.934.524.067 đồng.

Trong đó:

- Thuế tài nguyên: 16.567.165.725 đồng.

- Phí bảo vệ môi trường: 3.706.991.703 đồng.

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 18.660.366.639 đồng

Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản các đơn vị đã thực hiện là 8.514.089.000 đồng.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG NƠI KHAI THÁC KHOÁNG SẢN.

1. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản được các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nghiêm túc thực hiện, không để xảy ra tình trạng khiếu nại của người dân nơi có mỏ đang khai thác. Đối với các đơn vị đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhưng công tác bồi thường giải phóng mặt bằng triển khai chậm, không sớm đưa dự án khai thác khoáng sản đi vào hoạt động đúng thời gian quy định, UBND tỉnh đã ban hành quyết định thu hồi giấy phép hoạt động khoáng sản.

2. Số lao động sử dụng và thu nhập bình quân/năm.

Các tổ chức hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh chủ yếu là các Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty cổ phần, Doanh nghiệp tư nhân. Với hơn 60 tổ chức hoạt động khoáng sản đã góp phần giải quyết việc làm cho gần 1.000 lao động, với thu nhập bình quân 60.000.000 đồng/người/năm, góp phần nâng cao đời sống của người dân trong khu vực.

3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

Hỗ trợ cho địa phương nơi có khoáng sản khai thác xây dựng đường giao thông nông thôn, hỗ trợ xây dựng trường học và các công trình công cộng khác.

4. Công tác bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản của các doanh nghiệp ngày càng được quan tâm hơn, góp phần ngăn chặn, xử lý ô nhiễm và giảm thiểu tác động đến môi trường từ hoạt động khai thác khoáng sản. Việc lập, thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, dự án cải tạo

phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản được nâng cao; ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản được các đơn vị khai thác khoáng sản thực hiện.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

- Theo quy định tại Khoản 2, Điều 82 của Luật khoáng sản năm 2010, thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố. Theo quy định tại Điều 64 của Luật khoáng sản 2010, đá granit làm ốp lát, đá cây không thuộc nhóm khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường. Nếu có những mỏ nhỏ nhưng Bộ Tài nguyên và Môi trường không khoanh định và công bố khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ thì UBND tỉnh không được cấp phép. Tuy nhiên hiện nay thủ tục cấp phép thăm dò đá granit còn phức tạp, mất nhiều thời gian nên loại hình khoáng sản này hiện nay trên địa bàn tỉnh không thu hút được nhiều nhà đầu tư, không có nguồn nguyên liệu để cung cấp, phục vụ nhu cầu xây dựng tại địa phương nhất là các công trình công cộng cũng là một bất cập. Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường phân cấp cho UBND tỉnh cấp phép đối với loại hình vật liệu này.

- Hàng năm ưu tiên bố trí nguồn vốn cho công tác đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ 1/50.000 và các tỷ lệ lớn hơn, nhằm đánh giá đầy đủ về chất lượng, số lượng những khoáng sản có triển vọng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk để phục vụ công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và làm cơ sở để thu hút đầu tư của các Doanh nghiệp về khai thác khoáng sản, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trên đây là báo cáo của UBND tỉnh Đắk Lắk về công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và tình hình hoạt động khoáng sản năm 2017 trên địa bàn tỉnh, để Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam tổng hợp, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TNMT, CT, XD;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT (Trung.10b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Y Giang Gry Niê Knong

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN CÒN HIỆU LỰC

(Kèm theo Báo cáo số 29 /BC-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Số giấy phép/ngày cấp	Địa chỉ	Diện tích (ha)	Loại khoáng sản / Vị trí khu vực khai thác	THỜI HẠN KHAI THÁC			Công suất (m3)	Trữ lượng khai thác (m3)
						Số năm	Từ ngày	Đến ngày		
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT										
1	Công ty cổ phần Hồ Tài Nguyên	103/GP-UBND 43076,000	54 Đinh Tiên Hoàng, phường Tự An, TP. Buôn Ma Thuột - ĐT: 3823186	16,70	Đá xây dựng/phường thành nhất, xã Cư Ê Bur, TP. BMT	UBND tỉnh/ 30 năm	07/12/2017.	30/5/2030	50.000	890.529
2	Cty TNHH MTV QLSC đường bộ Đắk Lắk	160/QĐ-UBND 21/01/2009	36 Hùng Vương TP. Buôn Ma Thuột ĐT:3856717	9,96	Đá xây dựng/Thôn 11, xã Hòa Phú, TP. Buôn Ma Thuột	UBND tỉnh/ 23 năm	21/01/2009	21/01/2032	38.680	878.486
3	Cty TNHH XD Hoàng Vũ	2311/QĐ-UBND 09/10/2010	249 Y Jút, Tp BMT ĐT: 3.840715; Fax 3.844054	10,06	Đá xây dựng/Khu IIB Mỏ D2 Xã Hòa Phú, TP. BMT	UBND tỉnh/ 27 năm	10.9.2010	10.9.2037	49.350	1.228.000
4	Cty TNHH xây dựng 470	2479/QĐ-UBND 27/09/2010	Km5, phường Tân Lập, TP. BMT - ĐT:3.865294, Fax 3864014	8,00	Đá xây dựng/Khu IIA, mỏ D2, xã Hòa Phú, TP. Buôn Ma Thuột	UBND tỉnh/ 30 năm	27/09/2010	27/9/2040	49.350	1.313.292
5	Cty TNHH xây dựng Phú Xuân	3284/QĐ-UBND 21/12/2010	126 Phan Chu Trinh, TP BMT: ĐT3956862	8,60	Đá xây dựng/Khu IIC, mỏ D2, xã Hòa Phú, TP. BMT	UBND tỉnh/ 22 năm	21/12/2010	21/12/2032	49.350	1.069.000
6	Công ty TNHH Hoàng Nam	60/GP-UBND 13.7.2016	174 Y Jut, TP. BMT ĐT - Fax: 3.860099	15,23	Đá xây dựng/Khu I, mỏ D2, xã Hòa Phú, TP BMT	UBND tỉnh/ 30 năm	13.7.2016	18/5/2040	30.000	900.000
7	Cty cổ phần Kim Thịnh	1546/QĐ-UBND 24/06/2011	Tổ dân phố Tân Bình, phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ	15,33	Đá xây dựng/ Khu III, mỏ D2, xã Hòa Phú, TP. Buôn Ma Thuột	UBND tỉnh/ 30 năm	24/06/2011	24/6/2041	72.000	1.470.000

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Số giấy phép/ngày cấp	Địa chỉ	Diện tích (ha)	Loại khoáng sản / Vị trí khu vực khai thác	THỜI HẠN KHAI THÁC			Công suất (m3)	Trữ lượng khai thác (m3)
						Số năm	Từ ngày	Đến ngày		
8	Cty TNHH Thạch Anh	1308/QĐ-UBND	161 Phan Bội Châu, TP.BMTĐT:3.686209	18,20	Đá xây dựng/Thôn 5, xã Hòa Phú, TP. Buôn Ma Thuột	UBND	26/05/2011	26/5/2021	49.350	1.640.331
		15/GP-UBND				13/02/2015	13/2/2035	78.400	1.673.202	
9	KS Thiên An	47/GP-UBND	91 Trần Phú, tp BMT	11,25	Đá xây dựng/Thôn 8, xã Cư Buar, TP. Buôn Ma Thuột	UBND	12.8.2015	12.8.2045	46.800	1.295.848,00
		10/GP-UBND				02/05/2016	5.2.2016	30.000	698.050,00	
11	Công ty TNHH Nhật Quang	53/GP-UBND	Km 18, tỉnh lộ 1, xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn	78,3	Đá xây dựng/Thôn 8, xã Cư Buar, TP. Buôn Ma Thuột	UBND	07/7/2016.	07/7/2042.	50.000	1.261.570,00
		53/GP-UBND				29/5/2017	29/5/2035	50.000	893.827	
12	Công ty TNHH KS Tài Phát	53/GP-UBND	Thôn 3, xã Ea Kao, TP, Buôn Ma Thuột	5,6	Đá xây dựng/Thôn 22, xã Hòa Khánh, TP. Buôn Ma Thuột	UBND	29/5/2017	29/5/2035	50.000	893.827
13	Công ty Cổ phần khoáng sản Ea Kao	53/GP-UBND	Thôn 3, xã Ea Kao, TP, Buôn Ma Thuột	5,6	Đá xây dựng/Thôn 22, xã Hòa Khánh, TP. Buôn Ma Thuột	UBND	29/5/2017	29/5/2035	50.000	893.827
14	Công ty cổ phần XD TM Gia Linh	100/GP-UBND	63 Hai Bà Trưng, BMT	3,29 ha	Đá xây dựng/Thôn 8, xã Cư Ebur, TP. Buôn Ma Thuột	UBND	22/11/2017	22/11/2025	49.300	343.646,00
15	Cty TNHH MTV XD Thanh Tuấn	1441/QĐ-UBND	298 Nguyễn Chí Thanh, TP. BMT, tỉnh Đắk Lắk	9,37	Đá xây dựng/thôn 8, xã Ea Mnanng, huyện Cư M'gar	UBND	05/7/2012	05/7.2022	35.250	353.500
		05/7/2012								


Huyện Cư M'Gar

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Số giấy phép/ngày cấp	Địa chỉ	Diện tích (ha)	Loại khoáng sản / Vị trí khu vực khai thác	THỜI HẠN KHAI THÁC			Công suất (m3)	Trữ lượng khai thác (m3)
						Số năm	Từ ngày	Đến ngày		
16	Cty TNHH An Nguyên	3281/QĐ-UBND	35 Ba triệu, TP BMT	10,28	Đá xây dựng/EaTul, xã Ea K'pam, huyện Cư M'gar	UBND tỉnh/ 28 năm	21/12/2010	21.12.2038	45.000	1.260.000
21/12/2010										
17		2183/QĐ-UBND		20,00	Đá xây dựng/Buôn Cháy, xã Ea M'Droh, huyện Cư M'gar	UBND tỉnh/ 30 năm	25/08/2011	25.8.2041	62.350	1.837.252
25/08/2011										
18	Cty TNHH XD&TM Phúc Thiện	53/GP-UBND	Tỉnh lộ 8, thị trấn Ea Pôk, huyện Cư M'Gar	5,98	Đá xây dựng/Tiêu khu 550, xã Ea Kiết, huyện Cư M'gar	UBND tỉnh/ 18 năm	7.9.2015	07.9.2033	53.940	965.895
09/07/2015										
Huyện Ea Kar										
19	Cty TNHH tập đoàn Sơn Hải	1729/QĐ-UBND	117 Đường Huru Nghị, TP Đồng Hới, Quảng Bình - ĐT 0523825755	2,00	Đá xây dựng/Thôn 8, xã Cư Yang, huyện Ea Kar	UBND tỉnh/ 9 năm	14/07/2010	14.7.2019	47.640	407.680
14/07/2010										
20	Cty cổ phần Đức Anh	1446/QĐ-UBND	162/5 Hà Huy Tập, TP.BMT ĐT:3.952853	6,50	Đá xây dựng/thôn hợp thành, xã Cư Huế, huyện Eaka	UBND tỉnh/10 năm	5.7.2012	05.7.2022	65.000	650.000
07/05/2012										
21	Cty TNHH MTV TM DV DL Ea Kar	2410/QĐ-UBND	Thôn 15, xã Cư Yang, huyện Ea Kar	5,13	Đá xây dựng/Thôn 15, xã Cư Yang, huyện Ea Kar	UBND tỉnh/ 20 năm	21/09/2010	21.9.2030	37.000	771.627
21/09/2010										
22	Cty TNHH Đức Tân Phong	26/GP-UBND	Thôn 12, xã Ea Pal, huyện Ea Kar	3,9	Đá XD thôn 6B, xã Ea Pal, huyện Ea Kar	UBND tỉnh/ 20 năm	22.4.2016	22.4.2036	48.700	679.901
22/4/2016										
23	Cty cổ phần QL và XD đường bộ 26	603/QĐ-UBND	387 Phạm Văn Đồng, phường Tân Hoà, TP. BMT ĐT: 3823027	9,69	Đá xây dựng/Buôn Mrông A, TT Ea Kar, huyện Ea Kar	UBND tỉnh/ 16.5 năm	24/5/2013	24.11.2029	68.890	1.100.000
03/07/2016										
24	Cty cổ phần KS Đăk Lăk	54/GP-UBND	37 Hai Bà Trưng, TP.BMT	5	Đá xây dựng+ Fenspat/xã Ea Sar, huyện Ea Kar	UBND tỉnh/ 14 năm	7.7.2016	22.10.2029	39.500	513.500
07/07/2016		10.500							136.500	

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Số giấy phép/ngày cấp	Địa chỉ	Diện tích (ha)	Loại khoáng sản / Vị trí khu vực khai thác	THỜI HẠN KHAI THÁC			Công suất (m3)	Trữ lượng khai thác (m3)
						Số năm	Từ ngày	Đến ngày		
25	Công ty TNHH khai thác cát Đoàn Kết	385/QĐ-UBND	125 Nguyễn Văn Cừ, TP.Buôn Ma Thuột ĐT: 3865113	33,3	Cát xây dựng/ Sông Krông Păk, Xã EaÔ Huyện EaKa	UBND tỉnh/ 05 năm	31/3/2016	25.3.2021	48.000	293.522
		31/3/2016								
26	Cty TNHH ĐTXD và DV MJ	501/QĐ-UBND	04 Trần Phú, phường Thăng Lợi, TP,BMT	6,36	Cát xây dựng/Sông Krông Păk, xã CưYang, Cư Bông, huyện Ea Kar	UBND tỉnh/ 1.5 năm	19/02/2016	16.4.2018	9.000	61.577
		19/02/2016								
27	Công ty TNHH khoáng sản Hoàng Hải Nam	80/GP-UBND	Tổ 3, Buôn Wiáo thị trấn Krông Năng, huyện Krông Năng	3,5 km	Cát xây dựng/Sông Krông Năng, thôn 4, xã Ea Sô, huyện Ea Kar	UBND tỉnh/ 07 năm	9/8/2017.	05.6.2022	10.000	68.926
		08/09/2017								
Huyện Krông Păk										
28	Cty TNHH Thuận Hiếu	1493/QĐ-UBND	79 Trần Hưng Đạo, TT Phước An, huyện Krông Păk	7,30	Đá xây dựng/Thôn 14, xã Krông Buk, huyện Krông Păk	UBND tỉnh/ 18 năm	20/06/2011	20.6.2029	49.350	865.198
		20/06/2011								
29	Cty TNHH Ngọc Vy	1555/QĐ-UBND	18 Nguyễn Chí Thanh, TT Phước An, huyện Krông Păk - ĐT: 3519174	7,23	Đá xây dựng/ Ea Uy, xã Hòa Tiến , huyện Krông Păk	UBND tỉnh/ 10 năm	24/06/2011	24.6.2021	31.000	460.959
		24/06/2011								
30	Cty TNHH Hùng Anh	09/GP-UBND	367 Phạm Văn Đồng TP.BMT - ĐT: 3.823065	3,65	Đá xây dựng/Thôn 4A, xã Hòa Tiến, huyện Krông Păk	UBND tỉnh/11 năm 5 tháng	30/01/2015	30.06.2026	46.000	415.772
		30/01/2015								
31	Cty TNHH Bình Hòa	40/GP-UBND	Thôn 7, xã Krông Buk, huyện Krông Păk	6,00	Đá xây dựng/Buôn Ea Kung, xã Krông Buk, huyện Krông Păk	UBND tỉnh/20 năm	3.7.2015	03.7.2035	48.700	773.016
		07/03/2015								
32	Cty TNHH XD C&D Trí Đức	461/QĐ-UBND	57 thôn Phước Hòa 3, xã Ea Kuang, huyện Krông Păk	19,70	Cát xây dựng/ Sông Krông Păk, xã Vụ Bồn, huyện Krông Păk	UBND tỉnh/ 9năm 7th	10.02.2010	10.09.2019	20.000	194.452
		02/10/2010								
33	Cty TNHH Hà Bình	1589/QĐ-UBND	Thôn 13, xã Vụ Bồn, huyện Krông Păk	88,00	Cát xây dựng/ Sông Krông Păk, xã Vụ Bồn, huyện Krông Păk	UBND tỉnh/4 năm	25/06/2015	25.6.2019	45.000	594.793
		25/06/2015								

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Số giấy phép/ngày cấp	Địa chỉ	Diện tích (ha)	Loại khoáng sản / Vị trí khu vực khai thác	THỜI HẠN KHAI THÁC			Công suất (m3)	Trữ lượng khai thác (m3)
						Số năm	Từ ngày	Đến ngày		
34	Cty TNHH Kiến Tây	94/GP-UBND	Thôn 16, xã Krông Búk, huyện Krông Pắc	3	Đá xây dựng, Thôn 16, xã Krông Búk, huyện Krông Pắc	UBND tỉnh/13 năm	17/11/2016	17/11/2029	30.000	379.573
		17/11/2016								
Thị xã Buôn Hồ										
35	Xí nghiệp Việt Hà	280/QĐ-UBND	1324 Hùng Vương, P.Thống Nhất, thị xã Buôn Hồ - ĐT:3573192	12,80	Đá xây dựng/Ea Mlang, xã Ea Siên, thị xã Buôn Hồ	UBND tỉnh/22năm 4th	02.03.2003	02.7.2025	35.000	784.000
		03/02/2003								
36	Cty TNHH XD Thạch Nguyên An	263/QĐ-UBND	Thôn 1, xã Ea Siên, TX Buôn Hồ - ĐT 3578535	5,00	Đá xây dựng/ Buôn Dlung 2, xã Ea Siên, thị xã Buôn Hồ	UBND tỉnh/ 10 năm	25/01/2011	25.01.2021	45.000	974.746
		25/01/2011								
Huyện Krông Búk										
37	Cty TNHH Phục Hưng	32/GP-UBND	Tổ dân phố 5, Phường Thiện An, thị xã Buôn Hồ - ĐT: 3.573125	8	Đá xây dựng/Thôn Độc Lập, xã Cư KPô, huyện Krông Buk	UBND tỉnh/20năm	6.5.2016	6.5.2036	40.000	663.764
		6.5.2016								
Huyện Krông Năng										
38	Cty TNHH Đắk Thái Sơn	78/GP-UBND	Thôn Tân Lập, xã Ea Tam, huyện Krông Năng	3,78	Đá xây dựng/Thôn Tam Lập, xã Ea Tam, huyện Krông Năng	UBND tỉnh/ 13 năm	06.9.2016	06.9.2029	25.000	321.208
		09/06/2016								
Huyện Ea H'Leo										
39	Cty TNHH XD Tân Thành Đạt	837/QĐ-UBND	308 Giải phóng, TT Ea Drăng, huyện Ea H'Leo	10,10	Đá xây dựng/Khối 5, thị trấn Ea Drăng, huyện EaHleo	UBND tỉnh/ 10 năm	01.4.2011	01.4.2021	90.000	1.946.941
		04/01/2011								
40	Công ty TNHH MTV QLSC đường bộ Đắk Lắk	3595/QĐ-UBND	36 Hùng Vương TP Buôn Ma Thuật ĐT:3856717	10,06	Đá xây dựng/thị trấn Ea Drăng, huyện EaHleo	UBND tỉnh/ 25 năm	24/12/2008	24.12.2033	49.000	1.228.000
		24/12/2008								
41	Công ty TNHH XD TM Sài Gòn	838/GP-UBND	Km4, QL 14, phường Tân An, TP.BMT	5	Đá xây dựng/xã Ea Sol, huyện EaHleo	UBND tỉnh/ 20 năm	30/5/2016	30/5/2036	577.643	25.000
		30/5/2016								

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Số giấy phép/ngày cấp	Địa chỉ	Diện tích (ha)	Loại khoáng sản / Vị trí khu vực khai thác	THỜI HẠN KHAI THÁC				Công suất (m ³)	Trữ lượng khai thác (m ³)
						Số năm	Từ ngày	Đến ngày	Công suất (m ³)		
42	Cty TNHH MTV Văn Chông	64/GP-UBND 30.10.2015	Thôn 1, xã Cư Mốt, huyện Ea H'leo	4,95	Đá XD/Thôn 1, xã Cư Mốt, Huyện Ea H'leo	UBND tính/ 15 năm	30.10.2015	30.10.2030	45.000	502.492	
Huyện Buôn Đôn											
43	Cty TNHH Minh Sáng	73/GP-UBND 28/12/2015	Buôn Kmông, Xã Ea B'ho, huyện Cư Kuin ĐT: 3.482965	5,03	Đá xây dựng/Buôn Niêng II, xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn	UBND tính/ 20 năm	28.12.2015	28.12.2035	45.000	840.559	
44	Công ty TNHH KS Tài Phát	68/GP-UBND 08/08/2016	Km 18, tỉnh lộ 1, xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn	2,35	Đá xây dựng/Thôn 9, xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn	UBND tính/ 9 năm	8.8.2016	8.8.2025	43.000	402.053,00	
Huyện Ea Sup											
45	Cty TNHH XD&ĐT Thuận An	48/GP-UBND 19/8/2015	140 Lê Quý Đôn, thành phố Buôn Ma Thuột	14,22	Đá xây dựng/thôn 2, xã Ia Rê, huyện Ea Sup	UBND tính/ 22 năm	19/8/2015	19.8.2037	65.000	1.009.454	
46	Cty CPĐTPT Hoàng Sơn Đắk Lắk	1344/QĐ-UBND 16/5/2016	Số 192/8 Đường Võ Văn Kiệt, phường Khánh Xuân, TP.BMT	10,26	Đá xây dựng/thôn 3, xã Cư M'lan, huyện Ea Sup	UBND tính/ 30 năm	25.7.2011	25.7.2041	50.000	1.482.360	
47	Cty CP QL và XD GT Đắk Lắk	118/GP-UBND 30/12/2016	38 Hùng Vương, TP. Buôn Ma Thuột	5,00	Đá xây dựng/khoanh 6, tiểu khu 209, xã Ia Rê, huyện Ea Sup	UBND tính/ 28 năm	30.12.2016	30.12.2044	35.000	950.378	
48	Cty TNHH Quốc Lưu	50/GP-UBND 07/05/2016	Thôn 7, xã Ea Rôc, huyện Ea Sup	24	Cát xây dựng/Suối Ea H'leo, xã Ia Jloi, Ea Rôc, huyện Ea Sup	UBND tính/ 9 năm	5.7.2016	5.7.2025	10.000	90.322	
49	Cty TNHH MTV KTKS Hoàng Lan	51/GP-UBND 07/05/2016	Thôn 2, xã Ia Jloi, huyện Ea Sup	27	Cát xây dựng/Suối Ea H'leo, xã Jaloj, Jaroc, huyện Ea Sup	UBND tính/ 10 năm	5.7.2016	5.7.2026	10.000	99.424	

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Số giấy phép/ngày cấp	 Địa chỉ	Diện tích (ha)	Loại khoáng sản / Vị trí khu vực khai thác	THỜI HẠN KHAI THÁC			Công suất (m3)	Trữ lượng khai thác (m3)
						Số năm	Từ ngày	Đến ngày		
Huyện Cư Kuin										
50	Cty TNHH Bình Minh I	3489/QĐ-UBND	126 Đinh Tiên Hoàng, thành phố Buôn Ma Thuột	9,5	Sét/thôn Giang Sơn, xã Hòa Hiệp, huyện Cư Kuin	UBND tỉnh/ 21 năm	23/12/2008	23/12/2029	24.000	468.700
		18/12/2017								
51	Cty TNHH Tuấn Nhân	3556/QĐ-UBND	75 Trần Hưng Đạo, TP. Buôn Ma Thuột	15,00	Đá xây dựng/Buôn Kõ Êmông xã Ea Bhông, huyện Cư Kuin	UBND tỉnh/ 21 năm	23/12/2008	23.12.2029	49.000	1.063.000
		23/12/2008								
52	Cty TNHH Minh Sáng	2173/QĐ- UBND	Buôn Kmông, Xã Ea Bhông, huyện Cư Kuin	9,74	Đá xây dựng/Buôn Kõ Êmông, xã Ea Bhông, huyện Cư Kuin	UBND tỉnh/ 10 năm	26/08/2010	26.8.2020	49.350	999.784
		26/08/2010								
Huyện Krông Bông										
53	DNTN Hưng Vũ	1248/QĐ-UBND	55 thôn 3, xã Yang Reh, huyện Krông Bông	25 km	Cát xây dựng/Sông Krông Ana, huyện Krông Bông và huyện Cư Kuin	UBND tỉnh/ 19 năm	26/05/2008	26.5.2027	47.000	1.796.778
		26/05/2008								
54	Công ty TNHH Ngọc Hùng Đăk Lăk	71/GP-UBND	thôn 5, xã Hòa Phong, huyện Krông Bông	29	Cát xây dựng/Sông Krông Bông, xã Hòa Phong huyện Krông Bông	UBND tỉnh/ 14 năm, 6 tháng	15.8.2016	15.02.2031	20.000	290.810
		15/8/2016								
Huyện Lắk										
55	Cty TNHH Phú Bình	3821/QĐ-UBND	Thôn 1, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông.	25 km	Cát xây dựng/Sông Krông Nô, xã Nam Kar, huyện Lắk	UBND tỉnh/ 12 năm	28/12/2009	28.12.2021	40.000	481.088
		28/12/2009								
56	Cty TNHH Xuân Bình	3822/QĐ-UBND	Thôn 1, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông	25 km	Cát xây dựng/Sông Krông Nô, xã Ea Rbin, huyện Lắk	UBND tỉnh/ 30 năm	28/12/2009	28.12.2039	40.000	1.220.134
		28/12/2009								
57	Công ty cổ phần Hồ Tài Nguyễn	102/GP-UBND	54 Đinh Tiên Hoàng, phường Tự An, TP. Buôn Ma Thuột - ĐT: 3823186	7,4 ha	Đá xây dựng/buôn D'Hăm, xã Đăk Nuê, huyện Lắk	UBND tỉnh/ 09 năm	07/12/2017.	01.12.2026	48.870	511.087.
		12/07/2017								

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Số giấy phép/ngày cấp	Địa chỉ	Diện tích (ha)	Loại khoáng sản / Vị trí khu vực khai thác	THỜI HẠN KHAI THÁC			Công suất (m3)	Trữ lượng khai thác (m3)
						Số năm	Từ ngày	Đến ngày		
Huyện Krông Ana										
58	Cty TNHH SX Gạch Việt Tân	1685/QĐ-UBND	Buôn Mlót, xã Ea Bông, huyện Krông Ana - ĐT: 3.665656	41,00	Sét/Buôn Mlót, xã Ea Bông, huyện Krông Ana	UBND tỉnh/ 30 năm	07/02/2009	07/02/2039	30.000	900.000
		07/02/2009								
59	Doanh nghiệp tư nhân Sông Núi	3823/QĐ-UBND	thôn 1, TT Buôn Tráp, huyện Krông Ana ĐT:0984959394	16 km	Cát xây dựng/Sông Krông Ana, xã Quảng Điền, huyện Krông Ana	UBND tỉnh/ 18 năm	28/12/2009	28.12.2027	36.000	660.753
		28/12/2009								
60	HTX SXVL XD Phúc Lợi	2313/QĐ-UBND	257 Nguyễn Thị Định, p.Tân Tiến, TP.BMT - ĐT:0982473599	23,07	Cát xây dựng/Sông Krông Nô, thị trấn Buôn tráp H. Krông Ana	UBND tỉnh/ 5 năm	07.8.2015	08.9.2018	20.000	260.211
		08/07/2015								
61	Doanh nghiệp tư nhân Minh Lợi	2440/QĐ-UBND	257 Nguyễn Thị Định, p.Tân Tiến, TP.BMT	4,25 km	Cát xây dựng/Sông Krông Ana, xã Bình Hòa, Quảng Điền, huyện Krông Ana	UBND tỉnh/ 5 năm	09.9.2015	19.8.2019	30.000	537.073
		09/09/2015								
62	Hợp tác xã Đoàn Kết	2087/QĐ-UBND	Thôn Quỳnh Ngọc, xã Ea Na, huyện Krông Ana	8,77 km	Cát xây dựng/Sông Krông Nô, xã Bình Hòa, huyện Krông Ana	UBND tỉnh/ GH. 3năm	11.8.2015	16.8.2018	30.000	275.586
		08/11/2015								
63	Cty CP VLXD Tây Nguyên	3088/QĐ-UBND	236/11 Phan Chu Trinh, thành phố Buôn Ma Thuột	14,5 km	Cát xây dựng/Sông Krông Ana, xã Đak Liêng, h.Lăk, xã Dur Kmăl, h.Krông Ana	UBND tỉnh/ 20 năm	4.11.2009	04.11.2029	47.000	915.024
		11/04/2009								
64	DNTN Trung Thiện	2082/QĐ-UBND	Thôn Quỳnh Ngọc, xã Ea Na, huyện Krông Ana	4,25 km	Cát xây dựng/Sông Krông Nô, xã Bình Hòa, huyện Krông Ana	UBND tỉnh/ GH. 3năm	11.8.2015	16.8.2018	30.000	275.586
		08/11/2015								
Huyện M'Đrăk										
65	Cty TNHH Bình Hòa	31/GP-UBND	Thôn 7, xã Krông Buk, huyện Krông Păk	6	Đá xây dựng/thôn 10, xã Ea MĐoan, huyện M'Đrăk	UBND tỉnh/20 năm	6.5.2016	6.5.2036	25.000	577.643
		05/06/2016								
66	Cty TNHH Sanh Chiến	765/QĐ-UBND	Thị trấn M'Đrăk, huyện M'Đrăk	5,00	Đá xây dựng/buôn Cu Prao, xã Ea Lai, huyện M'Đrăk	UBND tỉnh/10 năm	25.3.2011	25.3.2021	49.000	500.000
		25/3/2011								